

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3254 /NĐĐT-KHĐTVT
V/v báo giá Cung cấp vật tư, thiết bị cơ khí các loại
phục vụ sửa chữa,
bảo dưỡng thường xuyên năm 2027 (lần 2)

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán ***Cung cấp vật tư, thiết bị cơ khí các loại phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên năm 2027***. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.
- Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Đông Sơn, phường Bình Khê, thành phố Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 15/10/2026.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (e-copy, để đăng tải);
- Lưu: TCHC, KHĐTVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Hùng

PHỤ LỤC: THÔNG TIN VẬT TƯ, THIẾT BỊ ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 3254 /NĐĐT-KHĐT/VT ngày 08/10/2026 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Xích làm sạch	Model: C15678. Vật liệu: ZG270-500 (theo bộ tiêu chuẩn GB/T 11352-2009) và có thông số kỹ thuật chính sau: - Mỗi đoạn gồm 7 mắt xích kết nối với 1 thanh gạt dài 0,56m; (Lắp đặt cho máy cấp than mã hiệu LPG24 của nhà sản xuất Qlar (Tianjin) Industrial Technology Co., Ltd) của nhà sản xuất Qlar (Tianjin) Industrial Technology Co., Ltd	m	50,0					
2	Hộp giảm tốc helical bevel gearmotor	Mã hiệu: KAF87AM90M/DTW/DRS90L4/TH/A/C/2W Công suất động cơ: 2,2 kW Điện áp: 380–420 V Tần số: 50 Hz Tốc độ: 1400 / 8 rpm (động cơ / đầu ra) Bao gồm: động cơ điện đi kèm của Nhà sản xuất: SEW-Eurodrive	Cái	1,0					
3	Hộp giảm tốc Helical Bevel Gearmotor	Mã hiệu: KAF97AD132S4/TH/B/C/DTW Công suất động cơ: 5,5 kW Điện áp: 380–420 V Tần số: 50 Hz Tốc độ: 1445/14 rpm (động cơ / đầu ra) Loại: Hộp giảm tốc bánh răng côn – trụ (helical bevel gearmotor) Bao gồm: động cơ điện kèm theo	Cái	1,0					

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		của nhà sản xuất: SEW-Eurodrive							
4	Piston khí nén (actuator khí nén)	Kích thước: 350x350x655 (chi tiết số 12 trong bản vẽ 418320160-1651A-DV1 đính kèm, Lắp cho van: PZ673Y-150LbP của nhà sản xuất Dalian DV Valve Co.,Ltd)	Cái	2,0					
5	Xích gạt	Mã hiệu: MG-80SC Công suất 80t/h; dải công suất: 20÷88 t/h; Tốc độ của xích: $\leq 0,22$ m/s; Bước xích: 200 mm; Thanh gạt nghiêng mã hiệu: MG 100.3-1 Vật liệu: ZG 310-570; số lượng: 84 thanh Thanh gạt đứng mã hiệu: MG 100.3-2 Vật liệu: ZG 310-570; số lượng: 166 thanh Chốt xích: 250 bộ Vật liệu: ZG 310-570 của nhà sản xuất Qlar (Tianjin) Industrial Technology Co., Ltd. (lắp đặt cho băng tải ngang máy cấp than mã hiệu BG800SC của hãng sản xuất Shenyang Stock Electric Power Equipment Co.,Ltd)	m	75,0					
6	Hộp giảm tốc Helical Gearmotor (bao gồm động cơ)	Mã hiệu: R137 DRS160M4/DTW Loại: Hộp giảm tốc bánh răng trụ (helical gearmotor) Công suất động cơ: 11 kW Điện áp: 380–420 V Tần số: 50 Hz Tốc độ: 1460/16 rpm (động cơ / đầu ra) Bao gồm: động cơ điện đi kèm của Nhà sản xuất: SEW-Eurodrive	Cái	1,0					

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
7	Xích tải	Mã hiệu: PHC 160-2x10FT của nhà sản xuất SKF	m	42,0					
8	Xích gạt	Mã hiệu: SZ150B.1 Quy cách: vật liệu mắt xích ZG40Mn2; trục 40Cr; bước xích 250 mm; độ cứng bề mặt HB260; tốc độ làm việc $\leq 0,26$ m/s; công suất 80–100 t/h của nhà sản xuất: Sinoma (Shangrao) Machinery Co., Ltd Ứng dụng: lắp đặt cho băng xích SL500 $\times$ 32000 mm (theo bản vẽ SL500.2)	m	136,0					
9	Pittong Cylinder	Mã hiệu: P22457E (quy cách: Ø100x250, P = 1÷16bar) (lắp đặt cho hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd)	Cái	3,0					
10	Bộ vật tư sửa chữa pittong	Mã hiệu: QA/8100/00 (Pittong cylinder repair kit - Bộ vật tư sửa chữa cho pittong Ø100x250), (Pittong Cylinder lắp đặt cho van đỉnh cầu DN200 của hệ thống MD pump 80/8/8 của nhà sản xuất Clyde Bergemann Huatong Materials Handling Co., Ltd)	Bộ	20,0					
11	Bộ lọc khí	Mã hiệu: QAF4000 Kết nối: 1/2 inch Áp suất tối đa: 1 MPa của nhà sản xuất: Shanghai Xingyick Pneumatic Engineering Co., Ltd	bộ	20,0					

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
12	Xích tải hộp giảm tốc bộ thổi bụi	Quy cách: 5/8"; 54 mắt/bộ xích Ứng dụng: bộ thổi bụi PS-SL, PS-SB của Nhà sản xuất: Shanghai Clyde Bergemann Machinery Co., Ltd	Bộ	8,0					
13	Cụm căng xích tải hộp giảm tốc bộ thổi bụi	Mã hiệu: N1/21588D Ứng dụng: bộ thổi bụi PS-SL, PS-SB của Nhà sản xuất: Shanghai Clyde Bergemann Machinery Co., Ltd	Cái	8,0					
14	Đầu phun bộ thổi bụi	Mã hiệu: N1/36104(55) Bao gồm: các phụ kiện đi kèm Ứng dụng: bộ thổi bụi PS-SB của Nhà sản xuất: Shanghai Clyde Bergemann Machinery Co., Ltd	Cái	2,0					
15	Ống thổi bụi	Mã hiệu: SB.NO.L3/R3-L8/R8 Quy cách: T89II; L = 8148; V27; Deg.0 Vật liệu: 15CrMo (Lance tube) Ứng dụng: bộ thổi bụi PS-SL của Nhà sản xuất: Shanghai Clyde Bergemann Machinery Co., Ltd	Cái	1,0					
16	Phin lọc dầu VSF-50-G35	Mã hiệu: VSF-50-G35 nhà sản xuất Xinxiang Lifeierte Filter Corp.,Ltd	Cái	6,0					
17	Bơm ly tâm trục ngang (bao gồm động cơ)	Mã hiệu: CM15-1 A-R-A-E-AVBE F-A-A-N; Động cơ Cấp cách điện F; Điện áp định mức 400V; Công suất định mức 1,2 kW; Dòng điện định mức 2,6 A; Lưu lượng 17 m3/h; Cột áp lớn nhất 1,78 MPa của nhà sản xuất Grundfos.	Cái	1,0					

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
18	Phin lọc dầu bơm dầu chính	Mã hiệu: DQ350BW25H0.8S (707) của Nhà sản xuất: Xinxiang Lifeierte Filter Corp.,Ltd	cái	10,0					
19	Phin lọc đường dầu hồi DR405EA03 V/-W	Mã hiệu: DR405EA03 V/-W của nhà sản xuất Xinxiang Lifeierte Filter Corp.,Ltd	Cái	2,0					
20	Phin lọc dầu ra bơm dầu EH	Mã hiệu: DP602EA03V/-W của nhà sản xuất Xinxiang Lifeierte Filter Corp.,Ltd	Cái	2,0					
21	Lọc dầu	Mã hiệu: EH 30-150-207 của nhà sản xuất Xinxiang Lifeierte Filter Corp.,Ltd	Cái	1,0					
22	Lọc dầu	Mã hiệu: DL 009001 của nhà sản xuất Xinxiang Lifeierte Filter Corp.,Ltd	Cái	1,0					
23	Lọc dầu	Mã hiệu: DP301EA10V/-W của nhà sản xuất Xinxiang Lifeierte Filter Corp.,Ltd	Cái	7,0					
24	Phin lọc DFDKBH/HC 100	Mã hiệu: DFDKBH/HC100 của nhà sản xuất Xinxiang Lifeierte Filter Corp.,Ltd	Cái	2,0					
25	Hộp giảm tốc	Mã hiệu: QVRE2-CUN-12.5 của nhà sản xuất Sumitomo Heavy Industries (Tangshan), Ltd	Cái	1,0					
26	Bộ nối trục	Mã hiệu LRR850.625SS, DBSE (chiều dài ống nối trục trung gian): 4450mm; Động cơ (mm) trục: 80; then: 22; Hộp giảm tốc (mm): trục 65; then 18"). của nhà sản xuất Rexnord	Bộ	2,0					

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
27	Thanh nghiền	Mã hiệu: 601989; chi tiết số 10 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM	Tấm	1,0					
28	Tấm đập (IMPACT ROCKER)	Mã hiệu: 601979; chi tiết số 1 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM	Tấm	1,0					
29	Tấm nghiền (IMPACT PLATE-GRINDING ROCKER)	Mã hiệu: 601814; chi tiết số 11 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM	Tấm	5,0					
30	Tấm nghiền (IMPACT PLATE-GRINDING ROCKER)	Mã hiệu: 601815; chi tiết số 12 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM	Tấm	1,0					
31	Búa nghiền (BLOW BAR 800)	Mã hiệu: 9062910; chi tiết số 2 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM	Thanh	4,0					
32	Tấm lót (WEAR STEEL PLATE UNDER)	Mã hiệu: 601982; chi tiết số 3 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM	Bộ	2,0					
33	Tấm lót (WEAR STEEL)	Mã hiệu: 601983; chi tiết số 4 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM	Bộ	2,0					

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	PLATE CAGE FRONT PART)								
34	Tấm lót (WEAR STEEL PLATE CAGE REAR PART)	Mã hiệu: 601984 chi tiết số 5 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM	Bộ	2,0					
35	Tấm lót (WEAR STEEL PLATE CAGE FRONT)	Mã hiệu: 601985; chi tiết số 6 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM	Bộ	1,0					
36	Tấm lót (WEAR STEEL PLATE CAGE FRONT SIDE)	Mã hiệu: 601986; chi tiết số 7 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM	Bộ	1,0					
37	Tấm lót (INLET WEAR STEEL PLATE)	Mã hiệu: 601987; chi tiết số 8 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM	Bộ	1,0					

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
38	Đai ốc hãm	Mã hiệu: S-30.11.8 của nhà sản xuất Stedman (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu Stedman F-44H10-107-X của nhà sản xuất Stedman)	Bộ	56,0					
39	Vòng đệm khóa	Mã hiệu: S-30.14.5 của nhà sản xuất Stedman (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu Stedman F-44H10-107-X của nhà sản xuất Stedman)	Bộ	56,0					
40	Tấm lót vỏ cong	Mã hiệu: A44586001 của nhà sản xuất Stedman (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu Stedman F-44H10-107-X của nhà sản xuất Stedman)	Tấm	2,0					
41	Tấm lót vỏ phía trên (thẳng)	Mã hiệu: A44588001 của nhà sản xuất Stedman (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu Stedman F-44H10-107-X của nhà sản xuất Stedman)	Tấm	2,0					
42	Tấm lót vỏ phía dưới (thẳng)	Mã hiệu: A445900011 của nhà sản xuất Stedman (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu Stedman F-44H10-107-X của nhà sản xuất Stedman)	Tấm	2,0					
43	Tấm lót phía trên (bên hông-lồng to)	Mã hiệu: E26829001-16 của nhà sản xuất Stedman (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu Stedman F-44H10-107-X của nhà sản xuất Stedman)	Tấm	1,0					
44	Tấm lót phía trên (bên hông-lồng)	Mã hiệu: E24421001-16 của nhà sản xuất Stedman (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu Stedman F-44H10-107-X của nhà sản xuất Stedman)	Tấm	1,0					

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	nhỏ)	Stedman)							
45	Tấm lót phía dưới (bên hông- lồng to	Mã hiệu: E24422001-16 của nhà sản xuất Stedman (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu Stedman F-44H10-107-X của nhà sản xuất Stedman)	Tấm	1,0					
46	Tấm lót phía dưới (bên hông-lồng nhỏ)	Mã hiệu:E24426001-16 của nhà sản xuất Stedman (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu Stedman F-44H10-107-X của nhà sản xuất Stedman)	Tấm	1,0					
47	Trục lồng nhỏ	Mã hiệu: C25489001 của nhà sản xuất Stedman (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu Stedman F-44H10-107-X của nhà sản xuất Stedman)	Cái	1,0					
48	Trục lồng lớn	Mã hiệu: C25488001 của nhà sản xuất Stedman (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu Stedman F-44H10-107-X của nhà sản xuất Stedman)	Cái	1,0					
49	Dây curoa	Model: 5VX2000 (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi Stedman F-44H10-107-X) của nhà sản xuất STEDMAN	Cái	9,0					
50	Đai ốc khóa (Flex Lock Nut .625 NC)	Mã hiệu: 1M13071 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Cái	94,0					
51	Tấm chống mòn (Wear	Mã hiệu: AA045500 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi	Tấm	2,0					

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Plate - Inspection Door)	mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)							
52	Tấm chống mòn (Wear Plate - Side - Door Side)	Mã hiệu: AA045600 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Tấm	4,0					
53	Tấm chống mòn (Wear Plate - Door - Top)	Mã hiệu: AA045700 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Tấm	2,0					
54	Tấm chống mòn (Wear Plate - Side and Top)	Mã hiệu: AB085700 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Tấm	3,0					
55	Tấm chống mòn (Wear Plate - Dome)	Mã hiệu: EC205008000B của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Tấm	2,0					
56	Tấm chống mòn (Wear Plate - Base - Feed End)	Mã hiệu: AA032100 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Tấm	1,0					
57	Tấm chống mòn (Wear Plate - Lower - Feed End)	Mã hiệu: AC03530AB của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Tấm	1,0					

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
58	Tấm chống mòn (Wear Plate - Upper - Feed End)	Mã hiệu: AC03540AB của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Tấm	1,0					
59	Bộ nắp che (Shroud Assembly - Feed End)	Mã hiệu: AC03550AB của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Bộ	1,0					
60	Tấm chống mòn (Wear Plate - Lower - Shaft End)	Mã hiệu: AC03590AB của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Cái	1,0					
61	Tấm chống mòn (Wear Plate - Upper - Shaft End)	Mã hiệu: AC036100 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Cái	1,0					
62	Bộ nắp che (Shroud Assembly - Shaft End)	Mã hiệu: AC036200 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Bộ	1,0					
63	Đai ốc (Hex Nut .625 NC)	Mã hiệu: 1M19071 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Cái	36,0					
64	Đai ốc (Hex Nut .750 NC)	Mã hiệu: 1M19081 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Cái	40,0					

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		xuất Terra Source Global)							
65	Vòng đệm (Medium Flat Washer .625 Diameter)	Mã hiệu: 1N01080 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Cái	36,0					
66	Vòng đệm (Medium Flat Washer .750 Diameter)	Mã hiệu: 1N01090 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)	Cái	40,0					
67	Lọc khí	Mã hiệu: 39903281 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Cái	24,0					
68	Lọc khí	Mã hiệu: 39903265 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Cái	36,0					
69	Lọc dầu	Mã hiệu: 39988262 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Cái	18,0					
70	Lọc tách	Mã hiệu: 54509435 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Cái	12,0					
71	Ống dẫn dầu	Mã hiệu: 89245823 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	CÁI	6,0					
72	Bộ làm mát	Mã hiệu: 22084750 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Bộ	2,0					
73	Bạc cách bánh răng tầng nén số 1	Mã hiệu: 39489968 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Cái	1,0					
74	Bạc cách bánh răng	Mã hiệu: 39489976 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Cái	1,0					

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	tầng nén số 2								
75	Vòng côn hãm bánh răng tầng nén số 1	Mã hiệu: 39497862 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Bộ	2,0					
76	Vòng côn hãm bánh răng tầng nén số 2	Mã hiệu: 39497870 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Bộ	2,0					
77	Nắp chặn côn tầng nén số 1	Mã hiệu: 39489836 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Cái	1,0					
78	Nắp chặn côn tầng nén số 2	Mã hiệu: 39489844 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Cái	1,0					
79	Gioăng chữ O	Mã hiệu: 89292445 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Cái	1,0					
80	Phốt chắn dầu	Mã hiệu: 95023388 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Cái	1,0					
81	Gioăng chữ O	Mã hiệu: 95022125 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Cái	1,0					
82	Bộ chuyển đổi áp suất 225PSIS	Mã hiệu: 39875539 Hãng sản xuất: Ingersoll Rand	Cái	6,0					
83	Bộ chuyển đổi áp suất	Mã hiệu: 39877618 (Dải đo -29.921÷0 INHG) của hãng sản xuất Ingersoll Rand	Cái	4,0					
84	Bộ phốt_bạc lót_Gioăng	Mã hiệu: 42572826 của hãng sản xuất Ingersoll Rand	bộ	1,0					

[illegible]

Ghi chú:

- (*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét;
- (**) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.